

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Trương Thị Thịnh**

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông **Đinh Tuấn Đạt** và ông **Lê Đình Khôi**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà **Trương Thị Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 288/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng Ch**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 7, Ấp 1, xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Anh **Trịnh Quốc V**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 7, Ấp 1, xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

(Chị Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh V vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2021, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Ch trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ch và anh V tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng đầm ấm, hạnh phúc được 09 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách

không hợp nhau nên thường hay xảy ra cãi vã, xung đột. Từ tháng 11/2021 cho đến nay chị và anh V đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, nay tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Quốc V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (Hai) con chung là Trịnh Nguyễn Bảo Nh, sinh ngày 29-10-2016; Trịnh Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 02-01-2010. Khi ly hôn, chị Ch yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Trịnh Quốc V mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử không có ý kiến, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.*

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của các con chung (bản sao); lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị Ch ly hôn với anh Trịnh Quốc V; về con chung: Đề nghị giao hai cháu Nh, Ng cho chị Ch nuôi dưỡng, tạm thời anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ch không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng Ch khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Quốc V, tranh chấp về nuôi con chung là Trịnh Nguyễn Bảo Nh, sinh ngày 29-10-2016; Trịnh Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 02-01-2010. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trịnh Quốc V có nơi cư trú tại: Ấp 1, xã Phú

Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trịnh Quốc V, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Ch, anh V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Tân Phú vào ngày 15/8/2009, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Đời sống hôn nhân của chị Ch, anh V đầm ấm, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không thông cảm và chia sẻ cho nhau những vấn đề trong cuộc sống.

Từ năm 2021 đến nay, chị Ch, anh V đã không còn sống chung, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Điều này thể hiện trong quá trình sống chung đã không tôn trọng, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình yêu cầu ly hôn của chị Ch đối với anh V là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ch, anh V có 02 (hai) con chung là Trịnh Nguyễn Bảo Nh, sinh ngày 29-10-2016; Trịnh Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 02-01-2010.

[6] Xét thấy từ khi vợ chồng chị Ch không còn sống chung thì các cháu Nh, Ng do chị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; để không xáo trộn đời sống của các cháu nên giao các cháu Nh, Ng cho chị Ch trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Anh V không phải cấp dưỡng do chị Ch không có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: chị Ch trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét;

Về nợ chung: Chị Ch khai báo không có, nên không xem xét. Đối với anh V nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí: Chị Ch là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị Ch phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ

luật Tổ tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 85, 91, 92, 93 luật hôn nhân gia đình năm 2000; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ng Ch về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” đối với anh Trịnh Quốc V.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ng Ch được ly hôn anh Trịnh Quốc V.

**2.** Về nuôi con chung: Giao 02 (Hai) con chung là Trịnh Nguyễn Bảo Nh, sinh ngày 29-10-2016; Trịnh Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 02-01-2010 cho chị Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Tạm thời anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ch không yêu cầu.

Anh V có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

**3.** Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; về nợ chung, chị Ch khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

Dành quyền khởi kiện cho anh V về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung bằng vụ án khác.

**4.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng Ch phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị Ch đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0002081 ngày 01/11/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**5.** Về quyền kháng cáo: Anh V, chị Ch có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã L (để ghi vào sổ hộ tịch ĐK ngày 15/8/2009)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Thịnh**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**